

Số: 1394 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất; Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về

quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1727/TTr-STC ngày 04 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ xây dựng giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục tiêu: Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Phạm vi thực hiện nhiệm vụ: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4. Nội dung: Điều tra thu thập thông tin chung, thông tin giá chuyên nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường; xử lý phiếu điều tra và ước tính giá đất; xây dựng phương án giá; xây dựng dự thảo bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024; trình thẩm định, phê duyệt.

5. Sản phẩm của nhiệm vụ:

5.1. Tờ trình về việc quy định bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: (01 bộ).

5.2. Quyết định của UBND tỉnh quy định bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: (01 bộ).

5.3 Bảng giá bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: (01 bộ).

5.4. Báo cáo thuyết minh phương án bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: (01 bộ).

5.5. Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: (01 bộ).

5.6. Phiếu thu thập thông tin, điều tra khảo sát chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường theo khu vực.

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày 08/3/2024 đến trước ngày 31/8/2024; trong đó:

6.1. Xây dựng nhiệm vụ bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 15/4/2024.

6.2. Tổ chức điều tra khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường tại điểm điều tra trước ngày 15/6/2024.

6.3. Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường trước ngày 25/6/2024.

6.4. Xây dựng dự thảo bảng giá đất bổ sung đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thuyết minh bổ sung bảng giá đất; Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất bổ sung và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo bảng giá đất và hoàn thiện dự thảo bảng giá đất trước ngày 25/7/2024.

6.5. Gửi hồ sơ đã hoàn thiện đến Hội đồng thẩm định bảng giá đất trước ngày 30/7/2024.

6.6. Căn cứ văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo đơn vị tư vấn tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo bổ sung giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh trước ngày 10/8/2024.

6.7. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua. Sau khi nhận được Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hoàn thiện hồ sơ bổ sung bảng giá đất, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

Điều 2. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng dự toán: 823.657.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn*).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024 (các chương trình, nhiệm vụ giao sau) của ngành tài nguyên môi trường theo Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý đối với các nội dung, trình tự công việc, hồ sơ, chứng từ, các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, sản phẩm của nhiệm vụ xây dựng giá đất đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định này.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

3. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định hiện của pháp luật, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

3.1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung dự toán kinh phí năm 2024, thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của luật. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

3.3. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, bất cập hoặc những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Cục

trưởng Cục Thuế tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC_(ĐNV).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng giá đất
đối với các đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất
thời kỳ 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	LÀM TRÒN SỐ	823.657.000	
	TỔNG (A + B + C)	823.657.277	
A	Chi phí trong đơn giá	709.353.681	
1	Chi phí trực tiếp	610.789.529	
	- Chi phí vật liệu	15.086.320	
	- Chi phí dụng cụ	6.093.007	
	- Chi phí công lao động	585.556.833	
	- Chi phí khấu hao thiết bị, năng lượng	4.053.369	
2	Chi phí chung (15% chi phí nội nghiệp, 20% chi phí ngoại nghiệp)	98.564.152	
B	Chi phí khác	39.425.661	
1	Chi phí khảo sát, lập dự án, dự toán chi phí	13.604.935	
	- Ngoại nghiệp x 3,0% chi phí trực tiếp	4.167.434	
	- Nội nghiệp x 2,0% chi phí trực tiếp	9.437.501	
2	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	25.820.726	
	- Ngoại nghiệp x 5% chi phí trong đơn giá	6.945.723	
	- Nội nghiệp x 4% chi phí trong đơn giá	18.875.003	
	Tổng chi phí trước thuế (A + B)	748.779.343	
C	Thuế giá trị gia tăng (A + B) x 10%	74.877.934	